

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày 25-8-2023

V/v xin ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hứa Minh Thân;

Bà Nguyễn Thị Lợi.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hà Thanh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Nông Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023 tại Toà án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 41/2023/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc "xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Triệu Thị N, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lâm Văn V, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; hiện đang chấp hành án tại Đội 5, phân trại 01, trại giam Hà Nam, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Bà Luân Thị T, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 24-4-2023 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Triệu Thị N trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lâm Văn V không được tìm hiểu, không tổ chức lễ cưới, sau đó có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 08-10-2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Sau đó năm 2021 thì anh Lâm Văn V bị bắt; kể từ đó chị một mình nuôi con, bố mẹ chồng cũng không quan tâm. Nay chị xác định tình cảm không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lâm Văn V.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Lâm Văn V có 01 con chung là Lâm Mỹ L, sinh ngày 15-7-2020, hiện nay đang ở với chị. Chị có yêu cầu khi ly hôn chị là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lâm Mỹ L cho đến khi đủ 18 tuổi, anh Lâm Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- *Bị đơn anh Lâm Văn V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Triệu Thị N quen biết và tìm hiểu nhau, hai bên đăng ký kết hôn vào năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình chung sống vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn, bản thân anh vẫn mong muốn đoàn tụ để nuôi dạy con cái, nhưng nếu chị Triệu Thị N nhất quyết yêu cầu giải quyết ly hôn anh cũng nhất trí.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Triệu Thị N có 01 con chung là Lâm Mỹ L, sinh ngày 15-7-2020, hiện nay đang ở với chị Triệu Thị N. Anh cũng nhất trí để chị Triệu Thị N là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lâm Mỹ L cho đến khi đủ 18 tuổi, hiện nay anh đang chấp hành án nên anh Lâm Văn V cũng nhất trí không phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- *Người làm chứng bà Luân Thị T trình bày:* Khi chị Triệu Thị N và anh Lâm Văn V kết hôn không sinh sống với bà, vợ chồng chị Triệu Thị N, anh Lâm Văn V tự sống riêng. Chị Triệu Thị N đã về nhà mẹ đẻ sống từ tháng 6 năm 2023. Nay chị Triệu Thị N xin ly hôn với anh Lâm Văn V thì bà cũng không có ý kiến gì. Về con chung của chị Triệu Thị N và anh Lâm Văn V là cháu Lâm Mỹ L hiện nay đang sống với chị Triệu Thị N, bà không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Từ khi thụ lý vụ án đến khi tranh luận tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật như viết bản tự khai và cung cấp các tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Triệu Thị N. Chị Triệu Thị N được ly hôn với anh Lâm Văn V.

Về con chung: Giao con chung Lâm Mỹ L, sinh ngày 15-7-2020 cho chị Triệu Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Lâm Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Triệu Thị N không yêu cầu.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Triệu Thị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Triệu Thị N và anh Lâm Văn V sống chung với nhau có đăng ký kết hôn, như vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống chị Triệu Thị N và anh Lâm Văn V có 01 con chung chưa thành niên. Chị Triệu Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn và xác định người trực tiếp nuôi con khi ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp là "Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Triệu Thị N khởi kiện anh Lâm Văn V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, do anh Lâm Văn V có địa chỉ tại thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Triệu Thị N, bị đơn anh Lâm Văn V, người làm chứng bà Luân Thị T. Xét thấy chị Triệu Thị N và anh Lâm Văn V đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Người làm chứng bà Luân Thị T vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt chị Triệu Thị N, anh Lâm Văn V và bà Luân Thị T theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227;

khoản 1 Điều 228; Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị N thấy như sau:

[5] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị N và anh Lâm Văn V đăng ký kết hôn ngày 08-10-2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Triệu Thị N và anh Lâm Văn V là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống cùng nhau tại thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Đến ngày 20-9-2021 anh Lâm Văn V bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn tạm giữ do có hành vi Mua bán trái phép chất ma túy. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 18/2022/HS-ST ngày 28-3-2022, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt anh Lâm Văn V 15 năm tù. Xét thấy bản thân anh Lâm Văn V với vai trò là người chồng trong gia đình, lẽ ra anh Lâm Văn V phải tu chí làm ăn chăm sóc gia đình, nuôi dạy con chung, tuy nhiên anh Lâm Văn V đã không làm tròn nghĩa vụ của một người chồng, có hành vi vi phạm pháp luật, bị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 15 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Tại biên bản xác minh ngày 03-8-2023, ông Nông Văn T là trưởng thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn cho biết quá trình chị Triệu Thị N và anh Lâm Văn V còn chung sống với nhau cho đến khi anh Lâm Văn V đi chấp hành án, bố mẹ của anh Lâm Văn V cũng không quan tâm gì đến chị Triệu Thị N và cháu Lâm Mỹ L. Hiện nay chị Triệu Thị N phải một mình nuôi con chung, chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Lâm Văn V cũng không còn. Ngoài ra người làm chứng bà Luân Thị T (là mẹ của anh Lâm Văn V) trình bày chị Triệu Thị N xin ly hôn với anh Lâm Văn V thì bà cũng không có ý kiến gì. Do đó chị Triệu Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lâm Văn V là có căn cứ, phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về con chung: Chị Triệu Thị N và anh Lâm Văn V có 01 con chung là cháu Lâm Mỹ L, sinh ngày 15-7-2020, hiện nay đang ở với chị Triệu Thị N. Chị Triệu Thị N có yêu cầu khi ly hôn chị Triệu Thị N là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lâm Mỹ L cho đến khi đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh Lâm Văn V cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Xét thấy hiện anh Lâm Văn V đang chấp hành bản án hình sự sơ thẩm số 18/2022/HS-ST ngày 28-3-2022, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt anh Lâm Văn V 15 năm tù, do đó để đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên cần giao cháu Lâm Mỹ L cho chị Triệu Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp. Anh Lâm Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Triệu Thị N không yêu cầu. Anh Lâm Văn V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Triệu Thị N và anh Lâm Văn V trình bày quá trình chung sống chị và anh không có tài sản chung, nợ chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Triệu Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn để nộp Ngân sách Nhà nước.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Triệu Thị N. Chị Triệu Thị N được ly hôn với anh Lâm Văn V.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 05, ngày 08-10-2020 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung: Giao con chung Lâm Mỹ L, sinh ngày 15-7-2020 cho chị Triệu Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Lâm Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Triệu Thị N không yêu cầu.

Anh Lâm Văn V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0002022 ngày 16-5-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận chị Triệu Thị N đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Triệu Thị N và bị đơn anh Lâm Văn V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện V; T. Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã T, H. Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Linh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Linh